

TÀI LIỆU KỸ THUẬT

SEAMASTER 750/795 SUPER GLO RED/GREY IRON OXIDE PRIMER

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Dòng Seamaster 750/795 Super Glo Red/Grey Iron Oxide Primer là dòng sơn dầu dùng làm lớp lót chống ăn mòn có gốc nhựa alkyd. Dùng để sơn lót lên các bề mặt kim loại (Sắt, thép...) hỗ trợ chống ăn mòn (chống oxy hóa). Dòng sơn 750/795 Super Glo Red/Grey Iron Oxide Primer cũng có thể làm chất phủ bảo vệ tạm thời nhưng trong thời hạn không quá 3 tháng. Nếu các bề mặt được tiếp xúc có xu hướng bụi phấn thì nó phải được làm sạch triệt để, khử rỉ và sơn thêm một lớp lót trước khi dùng lớp sơn phủ cuối cùng.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Đối với bề mặt kim loại:

Bề mặt phải khô và không có bụi bẩn, dầu mỡ, rỉ sét, và các chất gây ô nhiễm khác.

Rỉ sét và bụi bẩn có thể được loại bỏ theo phương pháp làm sạch bằng dung môi SSPC – SP1.

Sản phẩm được điều chế để ứng dụng cho bề mặt được chuẩn bị theo tiêu chuẩn St2 ISO 8501-1:1988 hoặc SSPC – SP2. Xử lý bề mặt tốt sẽ gia tăng độ bền của sản phẩm.

Đối với bề mặt đã từng sơn (Có lớp sơn cũ):

Bề mặt trước khi sơn phải đạt các yêu cầu về độ sạch sẽ, khô và không có bụi bẩn, dầu mỡ, nứt hoặc bong tróc. Trước khi sơn phải đảm bảo các khu vực bị lỗi đã được làm sạch, chà nhám và sơn lót với lớp lót phù hợp trước khi sơn.

TÍNH CHẤT VẬT LÝ

Thành phần : Sơn dầu gốc alkyd

Cấu tạo thành phần sắc tố : Màu đỏ/ xám sắt oxit và khoáng chất



TÀI LIỆU KỸ THUẬT SEAMASTER 750/795 SUPER GLO RED/GREY IRON OXIDE PRIMER

| | |
|--------------------|---------------------------------------|
| Dung môi | : Aliphatic hydrocarbon Thinner S1230 |
| Tỉ trọng (kg/ lít) | : 1.3 ± 0.10 |
| Độ đậm đặc | : 50 ± 2% |
| Nhiệt độ bắt cháy | : Khoảng 32°C |

Thời gian khô

| Tại nhiệt độ | Khô chạm được | Khô cứng | Thời gian sơn lớp kế tiếp | |
|--------------|---------------|----------|---------------------------|-----------|
| | | | Nhỏ nhất | Lớn nhất |
| 25°C | 40 minutes | 8h | 6h | Một tháng |
| 30°C | 25 minutes | 5h | 3.5h | Một tháng |
| 35°C | 15 minutes | 4h | 4h | Một tháng |
| 40°C | 10 minutes | 3h | 2h | Một tháng |

| | |
|---------------------|---|
| Độ dày khô | : 35 - 40 microns |
| Độ dày ướt | : 70 - 80 microns |
| Độ phủ lý thuyết | : 12.5 – 14.2 m ² /litre (dành cho độ dày khô từ 35 microns) |
| Màu sắc | : Red iron oxide or grey iron oxide |
| Bề mặt lớp sơn | : Bóng nhẹ |
| Bảo quản | : Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát |
| Đóng gói tiêu chuẩn | : 1 lít và 18 lít |
| Độ phủ lý thuyết | : 11.5 – 13.4 m ² / lít |
| Độ bóng | : > 70% (60°) |



TÀI LIỆU KỸ THUẬT SEAMASTER 750/795 SUPER GLO RED/GREY IRON OXIDE PRIMER

Lớp bề mặt : Bóng
 Màu sắc : Theo bảng màu hoặc theo yêu cầu
 Đóng gói tiêu chuẩn : 1 lít, 18 lít

PHƯƠNG PHÁP THI CÔNG

Bằng cọ, ru lô, hoặc máy phun sơn

HỆ THỐNG SƠN KHUYẾN NGHỊ

| Trình Tự | Sản Phẩm tham khảo | Số Lớp | Độ Dày Khô |
|-----------|---|--------|-----------------|
| Sơn Lót | Seamaster 750/795 Super Glo Primer | 1 | 30 – 40 microns |
| Phủ lớp 1 | Seamaster 6600/7600/9900 Alkyd base gloss | 1 | 30 – 40 microns |
| Phủ lớp 2 | Seamaster 6600/7600/9900 Alkyd base gloss | 1 | 30 – 40 microns |